TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 5 - 2022
"Về việc ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Ong Văn Đủ

Ông Đỗ Thanh Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hồ Chí Thêm- Thư ký Tòa án.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2022 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Hồng Thị L, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn*: Anh Võ Văn H, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 07.01.2022 và các lời khai tại Tòa án chị Hồng Thị L (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh H kết hôn và có tiến hành đăng ký kết hôn ngày 28.11.2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, không cùng quan điểm sống, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị xét thấy quan hệ hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Võ Hồng Khôi P, sinh ngày 11/12/2013, hiện do chị đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Võ Văn H, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh H biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn và yêu cầu nuôi con, tài sản và nợ chung không có nhưng anh H không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ anh H để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh H không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai anh H vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị L và anh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H có địa chỉ cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Võ Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án:

-*Về hôn nhân:* Chị L và anh H kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 28.11.2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị L và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẩn và sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xãy ra mâu thuẫn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh H đã ly thân từ năm 2017 đến nay thời gian dài

nhưng anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp.

-*Về con chung:* Chị L và anh H có con chung là cháu Võ Hồng Khôi P, sinh ngày 11/12/2013, hiện cháu đang sống chung với chị L. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con. Anh H không có ý kiến về việc nuôi con. Tại bản ý kiến ngày 05.5.2022, cháu P có nguyện vọng sống với chị L. Xét thấy cháu P sống với chị L, từ khi chị L và anh H sống ly thân đến nay đã ổn định, đồng thời chị L đủ điều kiện nuôi dạy để đảm bảo sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý bình thường của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho chị L được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Võ Hồng Khôi P, sinh ngày 11/12/2013 đến tuổi thành niên.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh H không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra không xem xét.

-*Về nợ chung:* Chị L trình bày vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Phía anh H không có ý kiến yêu cầu giải quyết nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra không xem xét.

Nếu sau này chị L và anh H có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị L phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Hồng Thị L được ly hôn với anh Võ Văn H.

- *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồng Thị L: Giao cháu Võ Hồng Khôi P, sinh ngày 11/12/2013 cho chị Hồng Thị L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Võ Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Hồng Thị L phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), chị L có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007670, ngày 07.01.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Hồng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Võ Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Trúc Hằng

Nơi gửi:
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã Đ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS-VP.*